

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN Đ  
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản số: 178/2018/HSST  
Ngày 19/7/2018

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐIỆN BIÊN, TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Bạc Thị Liên

*Các hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Lò Thanh Hồng  
2. Bà Bạc Thị Kiên.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Lương Văn Đoản - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Đ.

**- Đại diện VKSND huyện Đ, tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa:** Ông Nông Quốc Hoàn, chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 19/7/2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 169/2018/HSST ngày 11/6/2018 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 167/2018/QĐXXST-HS ngày 21/6/2018 và quyết định hoãn phiên tòa số 08/2018 - QĐ ngày 05/7/2018 đối với bị cáo:

**1. Họ và tên: Lê Đức S.** Tên gọi khác: Không.

Sinh năm 1968. Tại tỉnh Điện Biên.

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Số nhà 47, tổ dân phố 21, phường H, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên. Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt nam. Tôn giáo: Không.

Nghề nghiệp: Cán bộ công chức. Trình độ văn hoá: 10/12.

Chức danh; Không; Là đảng viên bị đình chỉ sinh hoạt đảng từ ngày 18/3/2018 theo quyết định số 15-QĐ/UBKTĐU ngày 30/3/2018 Đảng ủy dân chính đảng tỉnh Điện Biên; Con ông: Lê Đức K, sinh năm 1938 (đã chết). Con bà: Lê Thị H, sinh năm 1941 (đã chết). Gia đình bị cáo có 8 anh chị em, bị cáo là con thứ 3 trong gia đình. Bị cáo có vợ: Trịnh Thị T, sinh năm 1972 (đã ly hôn năm 2016). Tiền án; Tiền sự: Không; Nhân thân: Chưa bị xử phạt hành chính, chưa bị Tòa án xét xử. Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 15/3/2018 đến ngày 18/3/2018 được áp dụng biện pháp ngăn chặn bảo lãnh tại ngoại, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Trịnh Thị T, sinh năm 1972  
Địa chỉ: Số nhà 47, tổ dân phố 21, phường Him L, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên. (vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 18 giờ ngày 15/3/2018, Lê Đức S từ nhà ở số 47, tổ dân phố 21 phường H, thành phố Đ điều khiển xe moto biển kiểm soát 27F6 - 8514 đi xuống khu vực đội 5 xã T, huyện Đ mục đích tìm mua heroine để sử dụng cho bản thân. Khi đến nơi, S gặp một người đàn ông dân tộc Thái khoảng 35 tuổi không biết tên và địa chỉ. Qua trao đổi, S đã mua được của người đó 01 gói heroine với giá 170.000đ. Sau khi mua được heroine S mở ra kiểm tra và dùng tay cầu chia nhỏ thành 2 gói mỗi gói đều được gói bên trong bằng giấy bạc màu vàng, bên ngoài bằng nilon màu trắng sau đó S cất 02 gói heroine vào trong chiếc ví màu nâu để ở túi quần đằng sau đang mặc và điều khiển xe moto đi về đến khu vực đội 4A, xã T, huyện Đ thì bị Tổ công tác Công an huyện Đ phối hợp với Công an xã T kiểm tra phát hiện bắt quả tang, thu giữ trong chiếc ví màu nâu của S 02 gói heroine và chiếc xe moto biển kiểm soát 27F6- 8514.

Tại biên bản mở niêm phong xác định khối lượng ngày 16/3/2018 đã xác định: Toàn bộ số cục, bột màu trắng thu giữ của bị cáo Lê Đức S có khối lượng là 0,22 gam, trích 0,03 gam gửi giám định.

Tại bản kết luận giám định số 338/GĐ-PC54 ngày 23/3/2018 Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Điện Biên đã kết luận: Mẫu chất bột màu trắng gửi giám định trích ra từ vật chứng thu giữ của Lê Đức S là chất ma túy loại heroine.

Tại bản cáo trạng số 115/CT-VKSĐB ngày 10/6/2018, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ đã truy tố bị cáo Lê Đức S về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo Điểm c Khoản 1 Điều 249/BLHS năm 2015.

Tại phiên tòa, đại diện VKSND huyện Đ vẫn giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo về tội danh, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điểm c Khoản 1 Điều 249; Điểm s, t, v Khoản 1 Điều 51; Điều 65/BLHS năm 2015: Xử phạt bị cáo Lê Đức S từ 12 tháng đến 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo ấn định thời gian thử thách về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy". Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Áp dụng Điểm c Khoản 1 Điều 47/BLHS 2015; Điểm a Khoản 2 Điều 106/BLTTHS năm 2015 về xử lý vật chứng.

Căn cứ Khoản 2 Điều 136/ BLTTHS năm 2015 và Nghị quyết 326 bị cáo phải chịu án phí theo qui định của pháp luật.

Bị cáo cũng hoàn toàn nhất trí với quan điểm truy tố và luận tội của VKSND huyện Đ không có ý kiến tranh luận, lời nói sau cùng của bị cáo: Ngoài xin giảm nhẹ hình phạt không có ý kiến gì khác.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, lời khai của bị cáo tại phiên tòa.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1]. Về hành vi và các Quyết định của cơ quan người có thẩm quyền tiến hành tố tụng, Điều tra viên, kiểm sát viên. Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục đảm bảo theo qui định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến khiếu nại gì do đó các

hành vi, quyết định tố tụng của những người tiến hành tố tụng là hợp pháp được chấp nhận.

[2]. Tại phiên tòa hôm nay bị cáo Lê Đức S đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Mọi lời khai của bị cáo hoàn toàn phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản mở niêm phong xác định khối lượng; Kết luận điều tra, các bản cung có trong hồ sơ vụ án cũng như cáo trạng đã truy tố đối với bị cáo.

[3]. Xét hành vi phạm tội của bị cáo thấy rằng: Lê Đức S là đối tượng nghiện chất ma túy bị cáo đã điều khiển xe moto biển kiểm soát 27F6 - 8514 đi từ nhà ở tổ dân phố 21 phường H, thành phố Đ xuống đội 5, xã T, huyện Đ mục đích đi tìm mua ma túy để sử dụng cho bản thân. Bị cáo đã gặp một người đàn ông dân tộc thái khoảng 35 tuổi không biết tên và địa chỉ tại đội 5, xã T và mua được của người đó 01 gói heroine, với giá 170.000đ, sau khi mua được ma túy S mở ra kiểm tra rồi dùng tay cầu chia thành 2 gói nhỏ gói bên ngoài bằng nilon màu trắng rồi cất giấu 2 gói heroine vào trong chiếc ví màu nâu đen và cất vào túi quần đằng sau đang mặc và điều khiển xe moto biển kiểm soát 27F6 - 8514 về nhà. Khi đi đến đoạn đường thuộc đội 4A, xã T thì bị bắt quả tang khi đang tàng trữ trên người 02 gói heroine.

Hành vi phạm tội của bị cáo đã hoàn thành và được thực hiện bằng lỗi cố ý trực tiếp. Vật chứng thu giữ của bị cáo đã được cân xác định khối lượng là 0,22 gam, kết luận giám định là heroine. Với hành vi tàng trữ 0,22 gam heroine mục đích để sử dụng của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 249/BLHS năm 2015 có khung hình phạt từ 01 năm đến 05 năm tù.

Cáo trạng của VKSND huyện Đ đã truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Bị cáo có đầy đủ năng lực để chịu trách nhiệm hình sự trước pháp luật về hành vi phạm tội của mình đã gây ra.

[4]. Xét tính chất mức độ phạm tội của bị cáo thì hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy là hành vi nguy hiểm cho xã hội, tội phạm mà bị cáo thực hiện thuộc trường hợp nghiêm trọng làm ảnh hưởng đến trật tự trị an, an toàn xã hội. Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy. Bị cáo nhận thức được tác hại của ma túy, nhận thức được hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật. Song vì nhu cầu của bản thân bị cáo đã bất chấp và cố tình vi phạm. Nên cần phải xử lý bị cáo theo quy định của pháp luật.

[5]. Xét về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ cho thấy:

Sinh ra và lớn lên tại huyện T, tỉnh ĐB, bản thân học hết lớp 10/12. Năm 1991 học đại học Lâm nghiệp tại Xuân Mai - Hà Nội. Năm 1993 về công tác tại phòng Nông Lâm huyện T, tỉnh Điện Biên đến năm 2006 chuyển về Sở tài nguyên môi trường tỉnh Điện Biên, năm 2015 bị nghiện ma túy, năm 2016 ly hôn vợ. Bị cáo chưa có tiền án tiền sự, không có tình tiết tăng nặng. Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, tích cực giúp đỡ Cơ quan cảnh sát điều tra trong việc cung cấp thông tin, phát hiện tội phạm trong đường dây mua bán trái phép chất ma túy. Ngoài ra, trong quá trình công tác Lê Đức S đã được ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên tặng bằng khen vì có thành tích xuất sắc trong công tác định canh định cư năm từ 1990 đến năm 2002. Nên được áp dụng các tình tiết giảm

nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại các Điểm s, t, v Khoản 1 Điều 51/BLHS năm 2015.

HĐXX xét thấy bị cáo mua ma túy nhưng chưa kịp sử dụng thì bị bắt. Trước khi phạm tội chưa có tiền án tiền sự được chính quyền địa phương và cơ quan chủ quản xác nhận trong thời gian sinh sống và công tác tại Chi cục quản lý đất đai luôn chấp hành tốt đường lối chủ trương chính sách pháp luật của Đảng và Nhà nước không vi phạm gì, luôn thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công dân và nội quy quy chế cơ quan. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ mức độ phạm tội của bị cáo có khả năng tự cải tạo và cho bị cáo được hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội không gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự, an toàn xã hội. Xét nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, căn cứ Điều 2 Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 hướng dẫn áp dụng về án treo. HĐXX thấy rằng bị cáo đủ điều kiện được áp dụng hình phạt tù cho hưởng án treo theo Điều 65/BLHS, cho bị cáo tu dưỡng rèn luyện trong môi trường bình thường dưới sự giám sát của cơ quan và gia đình để bị cáo có cơ hội cải sửa lỗi lầm của mình.

[6]. Xét kinh tế bị cáo khó khăn, bản thân lại nghiện chất ma túy. Nên không có điều kiện để thi hành. Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Còn người đàn ông dân tộc Thái bị cáo đã gặp tại đội 5, xã T theo bị cáo khai đã bán heroine cho bị cáo, do không biết tên và địa chỉ nên cơ quan điều tra không xác minh làm rõ được. HĐXX không xem xét.

[7]. Vật chứng của vụ án cần áp dụng Điểm c Khoản 1 Điều 47/BLHS 2015; Điểm a Khoản 2 Điều 106/BLTTHS 2015 về xử lý vật chứng. Tịch thu tiêu hủy 0,22 gam heroine đã trích 0,03 gam gửi giám định không hoàn lại.

Đối với chiếc xe mô tô biển kiểm soát 27F6 - 8514 đăng ký mang tên Trịnh Thị T, là xe mà bị cáo mượn bà T và đã dùng làm phương tiện phạm tội. Song bà T không biết việc S đem đi mua ma túy, đây là tài sản của bà T tình sau khi ly hôn. Cơ quan điều tra đã trả lại chiếc xe cho chủ sở hữu là Trịnh Thị T các bản khai bà T cũng thừa nhận đã nhận lại xe và không có ý kiến gì thêm. HĐXX chấp nhận.

[8]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí HSST theo quy định tại Điều 136/BLTTHS và Điểm a Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 về án phí lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điểm c Khoản 1 Điều 249; Điểm s, t, v Khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự; Khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

**1. Tuyên bố:** Bị cáo Lê Đức S phạm tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

**2. Xử phạt bị cáo Lê Đức S 13 tháng tù cho hưởng án treo.** Thời gian thử thách là 26 tháng, kể từ ngày 19/7/2018. "Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo"

Giao bị cáo Lê Đức S cho Chi Cục quản lý đất đai, Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh Điện Biên giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo trách

nhiệm phối hợp với Chi Cục quản lý đất đai sở Tài tài nguyên và Môi trường tỉnh Điện Biên trong việc giám sát giáo dục bị cáo.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi làm việc trong phạm vi huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh thì Chi Cục quản lý đất đai sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Điện Biên có trách nhiệm thông báo cho Cơ quan Thi hành án hình sự Công an huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên để làm thủ tục chuyển giao hồ sơ thi hành án treo cho cơ quan chủ quản mới nơi người được hưởng án treo đến làm việc để giám sát giáo dục.

**3. Vật chứng:** Căn cứ: Điểm c Khoản 1 Điều 47/BLHS năm 2015; Điểm a Khoản 2 Điều 106/BLTTHS năm 2015.

- Tịch thu tiêu huỷ 0,22 gam heroine đã trích 0,03 gam gửi giám định không hoàn lại. (Vật chứng đã được Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ chuyển cho Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ vào ngày 12/6/2018).

**4. Về án phí:** Căn cứ Khoản 2 Điều 136/BLTTHS năm 2015 và Điểm a Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 về án phí lệ phí Tòa án bị cáo Lê Đức S phải chịu 200.000đ án phí HSST.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 19/7/2018).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình kể ngày nhận được bản án chính hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Điện Biên;
- VKSND huyện Đ;
- Công an huyện Đ;
- Phòng HNVCA tỉnh Điện Biên;
- Sở TP tỉnh Điện Biên;
- CCTHADS huyện Đ;
- Chi cục QLĐĐ Sở TNTĐB
- Bị cáo;
- Lưu./

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Bạc Thị Liên**

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Điện Biên;
- VKSND huyện Điện Biên;
- Công an huyện Điện Biên;
- Phòng HNVCA tỉnh Điện Biên;
- Sở TP tỉnh Điện Biên;
- CCTHADS huyện Điện Biên;
- Bị cáo;
- Dân chính đảng tỉnh
- Chi cục QLDD, Sở tài nguyên.
- Lưu./

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Bạc Thị Liên**

***Nơi*** Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 19/7/2018).